

Số : 285/QĐ-BVYHCT

Nam Định, ngày 04 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

“ V/v công khai quyết toán ngân sách nhà nước và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 ”

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn công khai NSNN đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn công khai NSNN đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Căn cứ Nghị định số: 60/2021/NĐ - CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 Quyết định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2022-2025 cho Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định

Theo đề nghị của phòng TC- KT Bệnh viện Y học cổ truyền .

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Thủ trưởng đơn vị, phòng tài chính kế toán và các khoa, phòng trong cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /jw

Nơi nhận:

- Sở y tế (Đễ B/c);

- Lưu: VT; TCKT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Thị Kim Bích

Nam Định, ngày 04 tháng 10 năm 2023

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai số liệu quyết toán NSNN và hoạt động
sản xuất kinh doanh năm 2022

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Hôm nay hồi 08h00 ngày 04/10/2023, Bệnh viện Y học cổ truyền tiến hành niêm yết công khai số liệu quyết toán năm 2022, như sau:

1. Thành phần:

- Bà : Vũ Thị Kim Bích, Phó Giám đốc phụ trách
- Bà : Đặng Thị Ngọc Ánh, Phó Phòng Tài chính- kế toán
- Ông: Nguyễn Văn Chuyên, Phó Phòng Hành chính – Tổ chức
- Bà: Nguyễn Thị Đào, kế toán viên Phòng Tài chính – kế toán

2. Nội dung:

2.1. Nội dung: Niêm yết công khai quyết toán NSNN năm 2022 của Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định.

(Biểu mẫu: 04 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

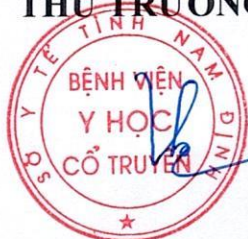
2.2. Vị trí niêm yết: Được niêm yết tại Phòng giao ban bệnh viện, tầng 3.

2.3. Thời gian: bắt đầu niêm yết từ 08h ngày 04 tháng 10 năm 2023 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 08h ngày 04 tháng 11 năm 2023.

2.4. Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Niêm yết công khai quyết toán NSNN năm 2022 của Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định kết thúc hồi 08h30 ngày 04/11/2023.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Vũ Thị Kim Bích

**THÀNH PHẦN
THAM GIA NIÊM YẾT**

 Nguyễn Văn Chuyên

 Đặng Thị Ngọc Ánh

 Nguyễn Thị Đào

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của BTC

Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định

Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU- CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2022

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu hoạt động sự nghiệp				
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	37.387.069.170	37.384.504.170	0	
1	Thu viện phí	51.998.618	51.998.618	0	
2	Thu BHYT	35.169.256.975	35.169.256.975	0	
3	Thu đồng chi trả	2.016.661.048	2.016.661.048	0	
4	Thu coi xe	23.100.000	23.100.000	0	
5	Thu lớp CKI	97.399.029	97.399.029	0	
6	Thu đấu giá thuê căng tin	10.288.500	10.288.500	0	
7	Thu từ SV thực tập	15.800.000	15.800.000	0	
8	Phân bổ doanh thu nhận trước quý 4/2022	2.565.000	2.565.000	0	
II	Hoạt động khác	43.592.546	43.592.546	0	
	Tổng thu trong năm	43.592.546	43.592.546	0	
1	Thu từ các đơn vị chúc mừng	3.200.000	3.200.000	0	
2	Thu lãi tài chính ngân hàng	40.392.546	40.392.546	0	
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại	26.957.392.595	26.957.392.595	0	
I	Chi sự nghiệp	26.957.392.595	26.957.392.595	0	
a	Chi phí từ nguồn thu dịch vụ	23.383.542.678	23.383.542.678	0	
b	Chi phí nộp thuế môn bài	1.000.000	1.000.000	0	
c	Chi phí quản lý chung	3.572.849.917	3.572.849.917	0	
IV	Nộp NSNN	41.566.500	41.566.500	0	
1	Nộp thuế GTGT	1.945.000	1.945.000	0	
2	Nộp thuế TNDN	39.621.500	39.621.500	0	
V	Chênh lệch thu chi	10.388.110.075	10.388.110.075	0	
VI	Xử lý chênh lệch thu chi trong năm	10.388.110.075	10.388.110.075	0	
1	Trích quỹ BSTN	2.870.000.000	2.870.000.000	0	

2	Trích quỹ Phúc lợi	1.668.727.529	1.668.727.529	0	
3	Trích quỹ khen thưởng	50.000.000	50.000.000	0	
4	Trích quỹ PTHĐSN	5.842.975.092	5.842.975.092	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	0	0	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	0	0	0	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				


III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 04 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Đào


Đặng Thị Ngọc Ánh



PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Kim Bích

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Định, ngày 01 tháng 06 năm 2023

BIÊN BẢN

**Xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022
của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 01 tháng 06 năm 2023 Đoàn duyệt quyết toán của Sở Y tế Nam Định đã làm việc trực tiếp công tác quyết toán ngân sách năm 2022 tại: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định.

I. Thành phần xét duyệt:

1. Bệnh viện Y học cổ truyền

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| - Bà: Vũ Thị Kim Bích | Phó Giám đốc phụ trách |
| - Ông: Trần Văn Doanh | Phó Giám đốc |
| - Bà: Đặng Thị Ngọc Ánh | Phó Giám đốc |

2. Sở Y tế

- | | |
|----------------------------|--|
| - Ông: Nguyễn Đức Toàn | Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Kế toán trưởng |
| - Bà: Trần Thị Thanh Thủy | Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính |
| - Bà: Nguyễn Thị Bình | Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính |
| - Ông: Phạm Thi | Trưởng phòng tài chính kế toán – Trung tâm y tế huyện Mỹ Lộc- Cán bộ trung tập |
| - Bà: Trần Thị Thanh Huyền | Phó phòng tài chính kế toán – Bệnh viện nội tiết Tỉnh Nam Định- Cán bộ trung tập |
| - Bà: Dương Thị Phúc | Phòng tài chính kế toán – Bệnh viện Phổi Tỉnh Nam Định- Cán bộ trung tập |

Căn cứ báo cáo quyết toán năm 2022 của Bệnh viện Y học cổ truyền thuộc Sở Y tế tỉnh Nam Định, đoàn xét duyệt quyết toán đã tổng hợp kết quả xét duyệt với những nội dung chủ yếu sau:

II. Nội dung xét duyệt:

1. Phạm vi xét duyệt:

Quyết toán ngân sách năm 2022 không bao gồm quyết toán vốn đầu tư XDCB.

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính.

+ Đơn vị chưa thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán sổ sách kế toán theo bảng giá đất ban hành tại Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND và văn bản sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Đơn vị chưa làm Đề án cho thuê địa điểm coi xe trình cấp có thẩm quyền.

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

4.1. Tăng, giảm lao động, biên chế:

- Số có mặt đầu năm: 115 người (trong đó 50 viên chức, 65 hợp đồng)

- Số tăng trong năm: 12 người

- Số giảm trong năm: 6 người

- Số có mặt cuối năm: 121 người (trong đó 51 viên chức, 70 hợp đồng)

4.2. Số liệu xét duyệt quyết toán của đoàn xác định:

Số liệu xét duyệt quyết toán năm 2022 của đoàn xác định khớp với số liệu báo cáo quyết toán của đơn vị.

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả, hoạt động SXKDDV, thu hoạt động khác:

1. Theo dõi thanh quyết toán BHYT

a) Thanh quyết toán BHYT

Diễn giải	Số tiền (đồng)
- Chưa quyết toán năm 2021 chuyển sang 2022:	23.544.402.441
- Số phát sinh trong năm:	42.381.398.881
- Số BHXH giảm trừ:	928.416.319
- Số quyết toán trong năm:	35.169.256.975
- Số chưa quyết toán năm 2022 chuyển 2023 :	29.828.128.029
Trong đó:	
+ Năm 2017:	573.912.800
+ Năm 2018:	5.342.932.155
+ Năm 2019:	3.704.047.278
+ Năm 2020:	6.645.334.320
+ 3 quý năm 2022:	1.532.247.106
+ Quý IV năm 2022:	12.029.654.370

Đơn vị đã chi phí phục vụ công tác KCB còn đang để dư trên TK 154, số tiền 13.161.384.903 đồng.

b) Tạm ứng BHYT

Diễn giải	Số tiền (đồng)
- Số tiền tạm ứng còn dư kỳ trước chuyển sang:	6.432.594.037
- Số tiền tạm ứng trong kỳ:	39.302.163.798
- Số tiền chi thanh toán trong kỳ:	35.169.256.975
- Số tiền tạm ứng còn dư chuyển kỳ sau:	10.565.500.860

2. Theo dõi thu, chi hoạt động SXKD-DV; hoạt động khác:

Diễn giải	Số đề nghị (đồng)	Số xét duyệt (đồng)	Chênh lệch
1. Nguồn thu hoạt động SXKD-DV			
- Tổng thu trong năm	37.387.069.170	37.387.069.170	0

Diễn giải	Số đề nghị (đồng)	Số xét duyệt (đồng)	Chênh lệch
+ Nguồn thu BHYT	35.169.256.975	35.169.256.975	0
+ Thu đồng chi trả	2.016.661.048	2.016.661.048	0
+ Nguồn thu coi xe	23.100.000	23.100.000	0
+ Nguồn thu dịch vụ căng tin	12.853.500	12.853.500	0
+ Thu từ lớp chuyên khoa I	97.399.029	97.399.029	0
+ Nguồn thu sinh viên	15.800.000	15.800.000	0
- Tổng chi trong năm	26.957.392.595	26.957.392.595	0
+ Chi phí nguồn thu dịch vụ KCB	21.222.098.803	21.222.098.803	0
+ Chi đồng chi trả	2.016.661.048	2.016.661.048	0
+ Chi phí nguồn viện phí	51.998.618	51.998.618	0
+ Chi phí căng tin	4.192.590	4.192.590	0
+ Chi sinh viên thực tập	88.591.619	88.591.619	0
+ Chi phí quản lý	3.573.849.917	3.573.849.917	0
- Nộp NSNN	41.566.500	41.566.500	0
+ Nộp thuế GTGT	1.945.000	1.945.000	0
+ Nộp thuế TNDN	39.621.500	39.621.500	0
- Thặng dư/ thâm hụt	10.388.110.075	10.388.110.075	0
2. Hoạt động khác			
- Tổng thu trong năm	43.592.546	43.592.546	0
+ Thu từ các đơn vị chúc mừng	3.200.000	3.200.000	0
+ Thu lãi tài chính ngân hàng	40.392.546	40.392.546	0
- Tổng chi trong năm	0	0	0
- Nộp NSNN	0	0	0
- Thặng dư/ thâm hụt	43.592.546	43.592.546	0

(Số liệu chi tiết có phụ biểu 1b kèm theo)

3. Kết quả chênh lệch thu chi:

Diễn giải	Số tiền (đồng)
- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm hoạt động SXKD:	10.388.110.075
- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm hoạt động khác:	43.592.546
- Xử lý chênh lệch thu chi trong năm:	10.431.702.621
+ Trích lập quỹ bổ sung thu nhập:	2.870.000.000
+ Trích lập quỹ phúc lợi:	1.668.727.529
+ Trích lập quỹ khen thưởng:	50.000.000
+ Trích lập quỹ PTHĐSN:	5.842.975.092

4. Chi tiết nguồn cải cách tiền lương

Diễn giải	Số tiền (đồng)
- Số NCCTL lũy kế đến cuối năm 2022:	12.526.229.690
- Số NCCTL lũy kế đến 31/12/2022:	12.526.229.690

IV. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị:

Năm 2022 Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định số CBCNV hiện có mặt là: 116 người (trong đó 50 viên chức, 66 hợp đồng lao động), là đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên do nhà nước giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính.

Trong năm qua đơn vị đã thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch như: điều trị ngoại trú là 533 ca/500 ca KH giao, đạt 106,6%, tổng số bệnh nhân điều trị nội trú thực hiện 6.209 ca/ 3.650 ca KH giao, đạt 170,1%. Tổng số giường bệnh theo kế hoạch là 250 giường, số giường thực kê là 300 giường. Công suất sử dụng giường bệnh đạt 130,8%. Hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

Năm 2022, đơn vị đã chi nội dung từ các quỹ cụ thể như sau:

+ Chi khen thưởng cho cán bộ, nhân viên: 42.912.000 đồng

+ Chi các hoạt động phúc lợi: 1.353.010.714 đồng

+ Chi tăng cường cơ sở vật chất quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 1.172.380.270 đồng

+ Chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, nhân viên: 4.196.495.000 đồng; bình quân 2.914.233 đồng/người/tháng.

- **Về chấp hành thời gian nộp báo cáo quyết toán:** Đơn vị chấp hành nộp báo cáo quyết toán theo đúng thời gian quy định.

- **Về các biểu mẫu quyết toán:** Đơn vị thực hiện lập các biểu mẫu quyết toán theo đúng chế độ tài chính quy định.

- **Về chấp hành các quy định của Nhà nước như:** Lập, phân bổ, sử dụng dự toán: Đơn vị thực hiện đúng các khoản thu chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- **Về việc thực hiện việc công khai dự toán, quyết toán:** Trong năm đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được NSNN hỗ trợ.

- **Về mua sắm sửa chữa tài sản, quản lý và sử dụng tài sản:**

+ Trong năm nhìn chung đơn vị đã mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, mở sổ theo dõi TSCĐ, tính hao mòn tài sản theo quy định

+ Đơn vị đã thực hiện công khai và quản lý tài sản theo đúng quy định.

Tuy nhiên:

+ Đơn vị chưa thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán sổ sách kế toán theo bảng giá đất ban hành tại Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND và văn bản sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Đơn vị chưa làm Đề án cho thuê địa điểm coi xe trình cấp có thẩm quyền.

+ Đơn vị chưa ghi tăng tài sản giá trị từ 5.000.000 đồng trở lên và có thời gian sử dụng từ một năm trở lên theo quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 07/05/2020 của UBND Tỉnh Nam Định về việc quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình, danh mục thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Tỉnh Nam Định

- **Về công tác đấu thầu:**

+ Năm 2022, một số gói thầu mua sắm từ 50 đến dưới 100 triệu đồng, đơn vị áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn, trong báo cáo thẩm định dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa có nội dung thẩm định dự toán

- **Chế độ chi tiêu:** Các khoản chi từ nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn viện phí, BHYT, nguồn khác nhìn chung đơn vị đã bám sát vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã được thủ trưởng đơn vị duyệt chi. Kịp thời chi lương và các chế độ chính sách cho con người đầy đủ, đúng chế độ.

- Công tác quản lý thu, chi KCB

+ Các khoản thu Viện phí, Bảo hiểm Y tế đơn vị đã thực hiện theo khung giá thu viện phí và quản lý theo chế độ tài chính quy định;

+ Các khoản chi từ nguồn thu viện phí, BHYT được để lại chi đơn vị đã bám sát vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

+ Các khoản chi nhìn chung bám theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã được thủ trưởng đơn vị duyệt chi.

- Công tác hạch toán và quản lý tài chính:

+ Các khoản thu chi phát sinh tại đơn vị nhìn chung đã hạch toán theo đúng mục lục NSNN và chế độ tài chính quy định.

Tuy nhiên:

+ Khoản mua củi trâu hàng tháng đơn vị chưa hạch toán vào chi phí tính giá thành thuốc dùng cho bệnh nhân

+ Chưa xác định cụ thể danh mục nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho thuộc ngân sách nhà nước (Dư có tài khoản 36612- Giá trị còn lại của nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ là : 333.302.514 đồng)

+ Đơn vị chưa theo dõi riêng kho thuốc tân dược và đông dược còn đang để chung hết trên tài khoản 152.1

- Về tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ kế toán:

+ Chứng từ thu, chi nhìn chung đã đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp, các khoản chi cơ bản đã căn cứ vào chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước quy định và chế độ tài chính hiện hành.

+ Chứng từ thu - chi đóng gọn gàng lưu trữ theo chế độ quy định.

2. Kiến nghị

Đề nghị đơn vị:

2.1. Nghiêm túc rút kinh nghiệm những tồn tại nêu trên;

2.2. Hạch toán theo dõi tài sản, công cụ dụng cụ, theo đúng chế độ tài chính quy định theo thông tư 107/2017/TT-BTC. Theo dõi riêng từng kho thuốc đông dược, tân dược, vật tư, hóa chất, công cụ dụng cụ

2.3. Xác định cụ thể danh mục nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho thuộc ngân sách nhà nước (Dư có tài khoản 36612- Giá trị còn lại của nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ là : 333.302.514 đồng)

2.4. Xây dựng Đề án cho thuê địa điểm coi xe, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;

2.5. Thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán sổ sách kế toán theo bảng giá đất ban hành tại Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND và văn bản sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2.6. Thực hiện đúng quy định của Luật đấu thầu 43/2013/QH13 của Quốc hội, Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước; Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu TTBYT tại các cơ sở y tế công lập;

2.7. Điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 sát với tình hình thực tế tại đơn vị theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và theo các chế độ Tài chính quy định hiện hành.

Biên bản này được lập thành 04 bản: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định giữ 01 bản; Gửi Sở Tài chính 01 bản; Sở Y tế giữ 02 bản, đều có giá trị pháp lý như nhau./.

**Đại diện đơn vị
được xét duyệt**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Kim Bích**

Đại diện Sở Y tế

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH-TÀI CHÍNH
NGUYỄN ĐỨC TOÀN**

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN NAM ĐỊNH

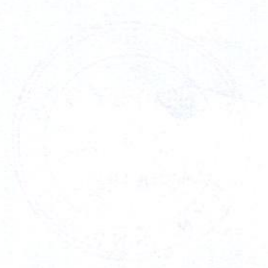
Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I	Hoạt động sản xuất kinh doanh DV			
1	Doanh thu:	37.387.069.170	37.387.069.170	0
	+ Viện phí	51.998.618	51.998.618	
	+ Nguồn BH	35.169.256.975	35.169.256.975	
	Thu đồng chi trả	2.016.661.048	2.016.661.048	
	+ Nguồn thu coi xe	23.100.000	23.100.000	
	+ Nguồn thu từ lớp chuyên khoa I	97.399.029	97.399.029	
	+ Nguồn thu đấu giá thuê căng tin	10.288.500	10.288.500	
	+ Nguồn thu từ SV thực tập	15.800.000	15.800.000	0
	Phân bổ doanh thu nhận trước quý 4/2022	2.565.000	2.565.000	
2	Chi phí	26.957.392.595	26.957.392.595	0
	+ Chi phí nguồn thu dịch vụ	23.383.542.678	23.383.542.678	
	+ Chi phí nộp thuế môn bài	1.000.000	1.000.000	
	+ Chi phí quản lý chung	3.572.849.917	3.572.849.917	
3	Nộp NSNN	41.566.500	41.566.500	0
	Nộp thuế GTGT	1.945.000	1.945.000	0
	+ Nộp Thuế TNDN	39.621.500	39.621.500	0
4	Thặng dư/thâm hụt	10.388.110.075	10.388.110.075	0
II	Hoạt động khác		0	0
1	Doanh thu:	3.200.000	3.200.000	0
	+ Thu từ thanh lý tài sản		0	0
	+ Thu khác tiền chúc mừng	3.200.000	3.200.000	0
2	Chi phí	0	0	0
	+ Chi thanh lý	0	0	0
	+ Chi khác	0	0	0
3	Nộp NSNN	0	0	0
4	Thặng dư/Thâm hụt	3.200.000	3.200.000	0
III	Doanh thu hoạt động tài chính			0
1	Doanh thu	40.392.546	40.392.546	
2	Chi phí:	0	0	0
3	Chênh lệch:	40.392.546	40.392.546	0

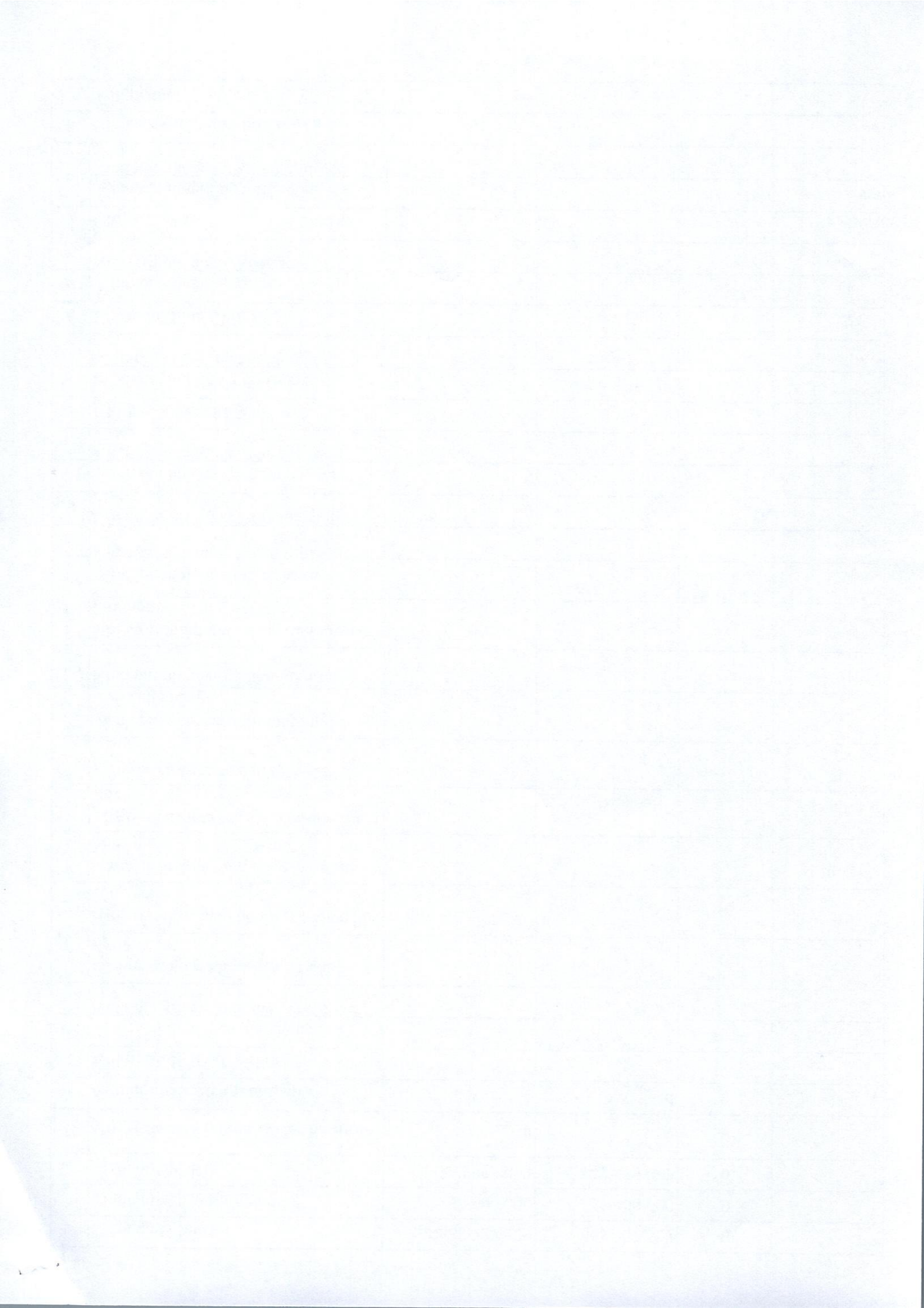


1900

1900









WANG JIANG

WANG JIANG

WANG JIANG









ИСТИНА ПОСЛОЖИ
УМНОЖИТИ ИЛИ КОПИРОВАТИ

